

SĂN BẮT CHIM MUÔNG VÀ TỈN NGƯỜI LÊN QUANG CỦA NGƯỜI CƠ-TU

LƯU HÙNG

Người Cơ-tu Việt Nam sinh sống ở tây bắc tỉnh Quảng Nam và tây nam tỉnh Thừa Thiên – Huế. Mặc dù nguồn sống chính của họ là trồng lúa rẫy, nhưng săn bắt đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống. Hoạt động săn bắt không chỉ nhằm bảo vệ mùa màng, mà còn đem lại nguồn thực phẩm cần thiết đáp ứng nhu cầu thường ngày trong gia đình cũng như phục vụ các dịp lễ hội của cộng đồng dân làng.

Giữa thế kỷ XX trở về trước việc săn bắt rất phát triển, vì xưa kia vùng người Cơ-tu nhiều rừng rậm, lắm chim thú; hiện nay rừng đã giảm nhiều, không còn rừng già, chim thú bị săn đuổi và phiêu bạt, không còn nhiều như trước, thậm chí có những loài đã hiếm như gấu, hổ, sao la v.v.. Thêm vào đó, trong xã hội ngày nay, việc săn bắn bị hạn chế và có sự ngăn cấm để bảo vệ những loài động vật quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Đàn ông Cơ-tu giỏi săn bắn và say mê với hoạt động này. Họ có nhiều kinh nghiệm đi rừng, am hiểu các loài chim muông và thiện nghệ dùng tên nỏ (tên có ngạnh và không có ngạnh, có hoặc không sử dụng thuốc độc), dáo và các loại cạm bẫy. Thời chống Mỹ, súng đạn trở thành công cụ đắc dụng và phổ biến để săn bắn, nhưng những năm gần đây thực hiện việc thu hồi súng đạn nên họ trở lại với những công cụ săn bắn cổ truyền. Dáo Cơ-tu, tương tự dáo của người Ta-ôi, chỉ có một kiểu, với mũi / lưỡi mỏng và rất sắc bén, cán nhỏ và rất dài; đầu cán dáo cắm vào một ống sắt nhọn, nghĩa là dáo đâm được cả 2 đầu. Cạm bẫy có nhiều kích cỡ và cấu tạo khác nhau, thích hợp để bắt được các loại thú và chim một cách hiệu quả. Chẳng hạn, cũng là *thò* (còn gọi là mang cung) - một công cụ hoạt động theo nguyên tắc dùng lực đàn hồi của một chiếc cần khỏe để

phóng đi mũi tên nứa sắc nhọn cỡ to, thường dùng tiêu diệt thú lớn - nhưng tùy loại thú cụ thể mà họ đặt mũi tên đó (mũi thò) ở tầm cao hay thấp, sao cho khi phóng ra thì đâm trúng bụng hoặc ngực, tức là vùng hiểm của con vật.

Hình thức săn bắt cũng đa dạng. Có khi cả làng cùng tham gia một cuộc vây bắt lợn rừng; họ dựng hàng rào, gõ mõ khua chiêng và cùng với chó săn dồn đuổi lợn vào lồng đã bố trí để những người phục săn ở đó đâm. Săn bằng cách này (gọi là *groong*), dân làng Anonh ở xã Anông huyện Tây Giang có lần đã bắt được cả đàn 6-7 con lợn. Ngoài cách săn tập thể này, có khi đi săn chỉ có một người hay một nhóm người và có thể đem theo cả chó săn. Vào mùa mưa, những ngày mưa to kéo dài, nắm được đặc tính của lợn rừng là thường làm ổ kín trú mưa, người ta đem dáo vào rừng, khéo léo phát hiện và tiếp cận rồi đâm; kiểu săn này đòi hỏi phải dày dặn kinh nghiệm mới có kết quả. Khi đi đặt bẫy, người Cơ-tu thường đi lẻ một mình, hoặc bố con hay anh em trong nhà rủ nhau cùng đi.

Ở vùng người Cơ-tu, săn bắn phần lớn được lợn rừng, hoẵng (mang), sơn dương, hươu, nai, gấu, khỉ, chồn, dúi, chuột, sóc, chim, gà rừng, v.v... Khi săn được thú lớn từ cỡ con hoẵng trở lên, họ đem về ngôi nhà chung của làng (*gươl*) để cả dân làng cùng hưởng. Nếu săn được thú to, trên đường về, họ dừng lại nghỉ, thổi tù và báo tin vui. Tiếng tù và là thông tin báo cho mọi người trong làng biết về con thú. Nghe tiếng tù và, mọi người phấn khởi nổi chiêng trống đáp lại và chuẩn bị đón mừng. Trên sàn *gươl*, quanh con vật đặt ở khu vực giữa nhà, dân làng thể hiện sự mừng vui thông qua điệu múa *dạ dạ* của nữ, nhịp trống chiêng của nam cùng những tiếng hú đồng thanh đầy phấn khích. Tục lệ chia thịt thú cho mọi người trong làng (*chiêm cha chung*) vẫn tồn

tại ở nhiều nơi. Khách cũng có phần. Đứa trẻ còn trong bụng mẹ cũng được chia. Người ta không quên dành cho mỗi con chó săn một miếng. Người săn được hoặc có công hạ sát con thú nhận riêng một thân thịt hoặc một đùi sau (tùy tập quán từng nơi). Mỗi khi săn bắn được thú lớn cũng là dịp đàn ông trong làng tụ tập cùng nhau ăn uống tại *gươl*. Trong trường hợp con thú nhỏ, hoặc không bõ chia thịt do làng quá đông, người ta có thể đem nấu cháo rồi chia. Xương sọ của những con thú săn bắt được đều đem gài theo dây ở mặt dưới mái sau của *gươl*, nhằm lưu giữ những kỷ vật săn bắn của làng; sự phong phú của những kỷ vật ấy là niềm tự hào của người Cơ-tu.

Riêng với gấu và hổ, có lẽ do 2 loài này đáng sợ nhất bởi sức mạnh và sự dữ tợn, nên người Cơ-tu ứng xử có phần đặc biệt, tránh gọi thẳng tên của chúng. Gấu là *anhêl*, nhưng họ thường gọi là *corbhaih* (cào xé), hoặc *xong xa* (biết trèo cao), hay *za-ruom*, *za-pơ*. Hổ là *agót*, nhưng gọi tránh: hổ lớn là *abhuóp* (ông), hay *abhuí* (ma), *vê vaih hom bắt* (bắt người); còn hổ bé là *hom biêng*, hay *parkir*, *tơ-nuh ajun*. Xưa họ không dám săn hổ, nếu hổ trúng bẫy thì thịt hổ phải ăn tại rừng, không đem về làng.

Tuy có thể săn bắn quanh năm, nhưng theo kinh nghiệm thực tế, người Cơ-tu săn bắn rộ vào mùa mưa là thời kỳ thú và chim xuất hiện nhiều, dễ săn bắt. Đó là mùa họ thu được khối lượng lớn sản phẩm săn bắt hằng năm. Đặc biệt, trong các tháng tháng 9, 10, 11 và 12 (dương lịch), nam giới tập trung vào việc săn bắt, thậm chí nhiều người ở rừng nhiều hơn ở nhà (cho nên, việc thu hoạch lúa rẫy dồn cả cho phụ nữ). Trước đó, họ chuẩn bị chu đáo mọi thứ để bước vào mùa săn bắt sôi nổi đây hứng thú này. Chẳng hạn, một gia đình có thể chuẩn bị tới trên dưới 100 chiếc cạm chuột, 300 - 400 que nhựa dính để bắt chim v.v.. Họ còn căn cứ vào lịch Cơ-tu cổ truyền để chọn ngày hoạt động săn bắt trong tháng. Theo đó, mùng 5 và 6 (*ca-lang loh* và *lutch loh*) cũng như ngày 25, 26 (*ca-lang lóop*) và 30

(*hjum pa-jắt*) chim thú xuất hiện nhiều, dễ săn bắt; nhưng vào mùng 5 và 6 chúng đàn hơn và dữ tợn, cần cảnh giác với thú dữ và rắn độc; ngày 11, 12 (*ca-mách loh*) và 19, 20 (*ca-mách lóop*) dễ bắt được những con vật ở hang như trăn, nhím, dúi v.v.; từ 13 đến 15 (*aviêr*, *corley*, *abhutop* hay *jornêl*) là những ngày dễ gặp chim và gấu.

Đáng chú ý, nam giới Cơ-tu có tài bắt chim bằng cách dùng loại nhựa lấy từ vỏ cây *ư loong jih*. Tháng 10-11, khi lúa rẫy và quả cây chín nhiều, đó là mùa chim về. Hằng ngày, từ khoảng 4-5 giờ sáng, họ cắm trên cây hàng loạt thanh tre nhỏ và dài có phủ nhựa ở đoạn đầu, tạo thành một “trận địa”, kết hợp với bố trí sẵn con chim mồi (chim thật hoặc chim gỗ), rồi nắp kín gần đó để rình. Chim bay ngang qua, họ đưa ngón tay út vào miệng huýt gió bắt chước đúng tiếng của chúng. Bị chú ý bởi âm thanh, lại trông thấy con chim mồi, lũ chim sẽ sà xuống, cánh bị dính vào các que nhựa rơi xuống đất và họ chỉ việc chạy ra bắt lấy. Họ thường bắt yểng và phượng hoàng đất bằng cách này, chủ yếu là bắt yểng. Để bắt một số loại chim khác, họ dùng quả chín thay cho chim mồi.

Trong rừng, người ta khó công quan sát tìm ra đường chim hay bay qua, chọn lựa một cây cao ở vị trí thuận lợi và có thể dễ bày “trận địa” bẫy chim; đồng thời hạ thấp những cây cao khác xung quanh để làm cho chim dễ bị thu hút vào cây đã chọn đó; lại phải biết chặt bỏ một số cành, sao cho chim khi bay qua sẽ dễ phát hiện chim mồi, dễ hạ cánh, không e ngại và nghi ngờ khi sà xuống. Tất cả như một nghệ thuật, đòi hỏi sự phán đoán, tính toán, xử lý khéo léo và hợp lý để lừa và dụ được chim⁽¹⁾. Mỗi gia đình thường có vài ba cây dùng làm chỗ bẫy chim như vậy và đó là sở hữu cha truyền con nối của họ; giá trị của những vị trí đã chọn được ấy còn cao hơn cả trâu bò, hầu như không bao giờ họ chuyển nhượng cho người ngoài. Họ coi trọng việc bắt

¹. Đàn ông Cơ-tu rất giỏi bắt chước tiếng chim.

chim nói chung và bắt yến nói riêng như vậy, đặc biệt vì theo tập tục Cơ-tu, thịt chim là món lễ vật không thể thiếu trong quan hệ với thông gia bên nhà trai.

Ngoài ra, vào tháng 2-3, thời kỳ khô hạn, họ cũng lập “trận địa” que nhựa, nhưng bố trí dưới suối nhỏ và nông, để bắt bìm bịp, gà rừng và nhiều loại chim nhỏ xuống uống nước. Họ chọn khúc suối đã cạn nhiều, tìm những vũng còn nước mà chim hay đến, dùng cành cây rập kín, chỉ chừa lại khoảnh nhỏ để cắm các que nhựa bẫy chim; như vậy, chim khát nước buộc phải sa vào đó và bị sa bẫy.

Một điểm nổi bật khác trong săn bắt của người Cơ-tu là có truyền thống dụ ong ruồi (*cor-rót*) để lấy mật và đây cũng là hoạt động thường xuyên trong rừng của đàn ông. Họ dùng riu đục vào thân cây gỗ một hốc hình chữ nhật đứng để tạo thành tổ cho ong đến ở (chiều cao 30-50 cm, rộng 10-15 cm, sâu 30-40 cm²), cách mặt đất từ 50-60 cm đến dưới 1 m, miệng hốc đậy kín bằng nắp gỗ, có khoét lỗ cho ong ra vào. Đục xong, phải dọn sạch và đốt lửa bên trong cho thơm tổ, đốt cháy sáp ong cho quyện vào thành tổ, nhằm hấp dẫn ong, tạo cho chúng cảm giác quen thuộc như tổ cũ. Những tổ ong nhân tạo kiểu đó cũng là tài sản sở hữu cha truyền con nối. Có những gia đình có trên dưới 100 tổ, ví dụ ông Cơ-lâu Năm ở thôn Prning (xã Lăng, Tây Giang) hiện có khoảng 100 tổ, trong đó 30 tổ từ đời trước để lại. Thông thường, mỗi năm khoảng 60-70 % số tổ có ong vào ở. Mùa lấy mật kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7. Ngoài ong ruồi, họ còn khai thác mật ong khoái (*ghi dơ*) và mật ong muỗi (*ơ pết*) từ tổ tự nhiên của chúng trong rừng. Mật ong có giá trị kinh tế cao, theo kể lại thì khoảng những năm 1940-1950 có thể đổi 30 lít mật được một con trâu cỡ 7 gang³).

Tín ngưỡng và sinh hoạt tôn giáo liên quan việc săn bắt chiếm vị trí quan trọng, nhưng chủ yếu gắn với người đàn ông. Điều đó phù hợp với vai trò của săn bắt và vai trò của nam giới trong săn bắt ở xã hội Cơ-tu.

Khi mở đầu mùa săn bắt trong năm, khách tới gia đình có người đặt bẫy thì phải vào nhà ngay và vào hẳn trong nhà, tránh thập thò, ngập ngừng ở cửa. Họ muốn ngày này trong làng/trong nhà yên ắng, nếu có mặt người ngoài sẽ gây ra sự *hrlá*, tức là bị “đạp” (hàm ý khuấy đảo, quấy rầy), khiến cho họ không thu được kết quả trong công việc của mình. Do đó, người vi phạm kiêng cử phải chịu nộp phạt một con gà để làm lễ cúng giải hạn, cầu an.

Người Cơ-tu quan niệm có *Cơ-mor bar* như một vị “thần thú rừng”, là siêu nhiên cai quản/bảo hộ các con vật ở rừng và chi phối kết quả săn bắt của con người. Họ nói rằng, tên thật của nó là *Jèeng adáh* (*adáh* = thú rừng), nhưng phải gọi tránh thành *Cơ-mor bar*, vì nếu gọi tên thật sẽ bị nó ghét mà không cho săn hay bẫy được thú. Nhiều thông tin viên cho hay vị “thần” này ở rừng và mang lối người phụ nữ vừa đẹp, vừa tốt nết⁴), nhưng cũng ẩn vô hình cả trong các sọ thú được giữ lại sau các cuộc săn bắt. Có chuyện kể như sau: Xưa, một anh mổ còi đặt thờ⁵) để giữ rẫy lúa, nhưng sáng nào ra rẫy anh ta cũng thấy rẫy đã bị phá, dấy dấu chân lợn rừng để lại trên lối vào rẫy, đi qua chỗ đặt thờ. Thấy lạ, một đêm anh ta rình xem sao. Khi đàn lợn kéo nhau vào rẫy, bỗng nhiên có *Jèeng adáh* xuất hiện và nhấc dây bẫy lên cho chúng đi qua. Tức quá, anh ta chạy ra hạ dây xuống đúng lúc con lợn lớn vừa tới, nó liền bị mũi thò đâm thủng

⁴ *Cơ-mor* nghĩa là cô gái trẻ, chưa có chồng con; *bar* là 2, thứ 2.

⁵ Thờ (còn gọi là mang cung) là một loại bẫy hoạt động theo nguyên tắc như sau: khi con thú đi vướng vào dây bẫy giăng ngang lối, khiến cái lẫy được nhả ra và làm cho chiếc cần cứng bị uốn cong sẽ bật rất mạnh, đẩy mũi tên lớn bằng loại nứa sắc phóng đi, đâm vào bụng con thú đó.

² Nhưng tránh đục vào lõi của cây, kéo cây bị chết.

³ Người Cơ-tu thường xác định cỡ lớn của trâu, bò, lợn bằng số gang tay nhiều hay ít. Họ lấy dây cuốn một vòng qua nách 2 chân trước của con vật, rồi dùng gang tay đo chiều dài đoạn dây đó.

bụng. Từ đó người ta biết có *Jèeng adáhl Co-mor bar*. Dân làng Prning ở xã Lãng cũng kể: Chưa lâu lắm, một lần có người làng giết được con sơn dương trong rừng, liền về báo tin cho làng đi khiêng về. Trên đường đi đến đó, họ nghe thấy từ phía con sơn dương vọng lại những tiếng người nói, khóc, kêu la. Gần tới nơi, họ thấy có bóng người đang than khóc con vật, rồi bóng người biến mất. Đó chính là *Jèeng adáhl Co-mor bar*, và họ coi đó cũng như một loại “ma”.

Với mục đích săn hoặc bẫy được thú, họ thực hiện những nghi thức tôn giáo cầu xin *Co-mor bar* phù hộ và xem điềm báo kết quả săn bắt sắp tới. Khi phát hiện có thú xuất hiện, họ chuẩn bị đi săn, nhưng trước hết phải tiến hành nghi lễ theo phong tục. Thường thì già làng dùng một con gà để làm lễ tại *gutol*, cầu *Co-mor bar* giúp cho làng săn được thú. Khi săn được thú về, cũng tại *gutol*, già làng cắm gạo vừa tung vào con thú và tung lên những sọ thú cũ cài dưới mái nhà, vừa khấn tạ ơn và xin *Co-mor bar* phù hộ cho các lần sau nữa. Sau khi mổ thịt, người ta lấy mỗi bộ phận của con vật một tí và cho vào một ống tre tươi, nướng chín rồi già làng làm lễ. Ông ta cầu khẩn đại ý rằng: thịt đã nấu chín, giờ mời *Co-mor bar* ăn, hãy cho chúng tôi bắt được nhiều thú rừng, nếu sắp tới dân làng bắt được nhiều thú thì tôi bỏ ống ra sẽ thấy có nhiều xơ tre tước ra. Ông ta bỏ ống làm đôi cho mọi người cùng xem có bao nhiêu xơ tre, mỗi cái tượng trưng cho một chiếc gậy khiêng thú săn được. Những người đàn ông có mặt lúc đó ăn món lễ vật trong ống. Sau đó, già làng ộp 2 nửa ống lại với nhau, vừa giơ lên vừa nói với *Co-mor bar*: Nếu đúng là tới đây chúng tôi sẽ săn bắt được thú nữa thì hãy báo cho biết qua 2 mảnh ống này. Nói đoạn, ông ta thả rơi xuống sàn nhà: một mảnh úp, một mảnh ngửa và có chõm lên nhau là dấu hiệu tốt, họ sẽ gặp may trong lần đi săn tiếp theo. Theo phong tục, phụ nữ không được ăn thịt cúng và thịt đầu của con thú săn. Khi già làng cài cái sọ lên mặt dưới của mái sau nhà *gutol*, ông ta

cũng khấn: Tôi treo cái đầu con ... lên đây, *Co-mor bar* hãy phù hộ cho chúng tôi đi săn may mắn, bắt được nhiều thú. Những chiếc sọ thú được vẽ trang trí bằng than củi với 2 lý do: thứ nhất, để *Co-mor bar* thấy dân làng tôn trọng mình, nên sẽ vui lòng mà phù hộ theo nguyện vọng của họ; thứ 2, hình xương cá hàm ý ma thuật, khiến thú sẽ dễ bị sa bẫy, trúng thò, mắc tên. Có thể kèm theo sọ con thú còn có thanh tre với túm tua xơ dài, có hình con dao, ngọn dáo, mũi thò đeo bằng gỗ và điểm xuyết vài nét vẽ than đơn sơ v.v... Tất cả đều nhằm cầu mong săn bắt thu được kết quả tốt. Họ cũng tin rằng ma con thú lẩn quất ở cái sọ trong *gutol*, sẽ rù rề những con khác đến, và do đó họ sẽ bắt được chúng.

Ở thôn Acóp (xã Anông), có lần bỗng dưng một con bướm lao vào chết trong bếp lửa trên sàn *gutol*. Coi đó là điềm lạ, những người đang ngồi quanh bếp lấy nó ra, vừa xé nhỏ thành nhiều phần vừa chia mỗi phần cho một làng khác và việc chia đó được họ nói lên thành lời. Cuối cùng, một cách chú ý, đến lượt Acóp thì không còn phần nào nữa, họ nói rằng thiếu thịt, nên phải đi tìm thịt cho thôn này. Sau đó, họ vào rừng thăm bẫy và đem về được con lợn rừng lớn. Họ cho rằng con bướm đã báo cho họ biết có thú sa bẫy. Và vì vậy họ đã làm một con bướm gỗ để cúng trong lễ thức tạ ơn *Co-mor bar* rồi sau đó treo cùng với sọ con thú kia dưới mái *gutol*.

Trong trường hợp đi săn hay đặt bẫy nhiều ngày mà không được thú, người *Co-tu* cũng làm lễ cầu may tại *gutol*, bằng cách cho một tí bã rượu vào chiếc ống tre nhỏ (gọi là *bha-huól*, hay *ucobhorhuól*), treo vào chỗ cái sọ con thú săn bắt được gắn dây nhất, và có con gà, cơm nếp, rượu để cầu khẩn *Co-mor bar*. Hôm sau đi săn, nếu được thú, họ phải làm lễ mừng và tạ ơn (*bhuóih*), đồng thời xin *Co-mor bar* phù hộ để sẽ gặp may mắn nữa. Lễ cúng cũng tổ chức tại *gutol*, do già làng chủ trì, có đông dân làng tham dự; lễ vật là gà, rượu và cơm tẻ hay cơm nếp. Với trường hợp

đi bắt chim vài ba ngày liền không kết quả, họ cũng làm ống *ucobhorhuol* đem buộc dưới gốc cây dang bẫy chim và cúng cầu *Cơ-mor bar*.

Cơ-mor bar không chỉ cai quản chim muông, mà còn chi phối cả cá và ong. Vì thế, năm nào dân làng thấy có vài ba chục tổ ong khoái trở lên, tức là nhiều khác thường, thì đến vụ họ lấy vài tổ về *gươl* làm lễ cúng cầu *Cơ-mor bar* phù hộ cho họ may mắn, vừa thu được nhiều mật, vừa không bị ong đốt và không bị ngã khi trèo cây lấy mật. Tương tự, mỗi lần làng tổ chức bắt cá ở vực sông suối, được vài ba chục gù, khi về đều phải cúng tạ ơn *Cơ-mor bar* tại *gươl*.

Người Cơ-tu sử dụng những loại bùa ngải (*zi-nuou*) khác nhau trong săn bắn. Với họ, có nhiều loại lá cây để làm bùa. Một loại, do lá có lấm chấm, được họ liên tưởng đến những con ong, nên gọi là *zi-nuou gi-rô* (*gi-rô* = ong khoái), sử dụng với hy vọng bắt được nhiều tổ ong khoái trong thời kỳ tháng 5-6. Một loại khác là *zi-nuou amêêr*, gây tác động hấp dẫn đối với con gái, nên có thể dùng trong việc cưới hỏi. Một loại là *zi-nuou đọ alo*, dùng với hy vọng để có được của cải, sẽ giàu có. Một loại nữa là *zi-nuou corliah*, thường dùng khi đi bắt chim, nhất là bắt yến.

Cây *corliah* được dùng để làm loại bùa ngải vừa nói. Theo người dân thôn Prning (xã Lăng) cho biết, cây *corliah* to cỡ chiếc đũa, mọc thẳng, màu đỏ, không có lá mà chỉ có lông ở phần ngọn, có thể kiếm được ở hang đá hiểm trở trên núi La Pơ thuộc địa phận huyện Nam Giang. Đem cây này về nhào với sáp ong rồi dựng vào chiếc phễu nhỏ đan bằng nan chẻ ra từ đoạn đầu ống tre, để dùng dẫn. Họ cho hay, nếu đốt lên thì mùi của loại bùa này quyến rũ chim tới; nếu lấy một tí rắc vào vết chân lợn rừng thì vài ngày sau sẽ gặp con lợn đó; thậm chí bùa có thể gây mê và có tác dụng dụ dỗ cả phụ nữ. Quan sát bùa của một người trong thôn, ngoài que tre có phễu dựng hỗn hợp sáp ong và *corliah* đó, còn có một cái chân của chim *te-lách* (loại chim hay bắt chuột và chim), một ít râu con chồn *atoc* (loại

chồn hay bắt gà, sóc và chuột), một ít lá cây *zi-nuou adáh* (trông bí mật trong rừng). Tất cả những thứ đó hợp lại được gọi là *đông corliah*. Người ta cất giữ loại bùa này cẩn thận trong ống đựng tên nỏ và mang theo mỗi khi đi săn bắn, với niềm tin rằng nó sẽ giúp săn bắt được chim muông.

Sự linh thiêng của *đông corliah* cũng thể hiện cả qua báo mộng trước hôm đi săn, được cho là tín hiệu của *Cơ-mor bar*, ví dụ: mơ thấy *đông* người nghĩa là sẽ gặp may, mơ thấy người chết hoặc kiếm được khúc gỗ nghĩa là sẽ được con thú lớn v.v.. Người có *đông corliah* năm nào cũng phải cúng *Cơ-mor bar* một lần trước vụ săn bắt. Lễ cúng tiến hành tại rừng, lễ vật phải có con doi, con chuột. Hôm đó, ông ta đi vào rừng từ sớm và tối mới về, để tránh gặp phụ nữ, vì sợ bùa ngải sẽ gây ra chuyện trai gái giữa ông ta với người khác giới gặp trên đường. Không chỉ thế, việc kiêng gặp phụ nữ khi vào rừng cũng như khi từ rừng trở về còn kéo dài cho tới khi ông ta bắt được con thú đầu tiên kể từ sau lễ cúng đó.

Những loại cây sử dụng làm bùa ngải chỉ có dân ông biết và họ thường trồng kín đáo trong rừng. Có loại như cây cỏ, có loại lá như cây gừng v.v.. Người ta có thể mua của người khác: người bán tách một nhánh đem ra trồng sẵn ở một chỗ khác, năm sau mới dẫn người mua tới gần đó và chỉ cho anh ta đến đào lấy.

Liên quan tín ngưỡng trong hoạt động săn bắt của người Cơ-tu, còn mấy điều đáng nói tới nữa:

Thứ nhất, theo phong tục, khi săn bắt được con thú lớn như nai, lợn rừng v.v. mang về làng, người ta đều đánh trống báo tin ở *gươl*, chẳng hạn con lợn to 4 gang (theo cách tính của người Cơ-tu) thì gõ 4 hồi. Gõ trống phải đúng kiểu, tuy dồn dập nhưng đều tiếng; nếu gõ sai lạc, tiếng trống thất thường (gõ *đưng pơ-lát*), *Cơ-mor bar* giận dữ và sẽ không cho thú sa bẫy hay trúng tên. Riêng với con hoẵng (con mang), người Cơ-tu kiêng gõ trống và tin rằng nếu vi phạm sẽ bị

sét đánh. Điều đó được giải thích trong câu chuyện cổ như sau: Xưa, mẹ chồng lợn rừng và mẹ chồng hoẵng ở nhà bế cháu cho lợn rừng và hoẵng đi tuốt lúa. Chiều nào cũng vậy, khi con dâu về, mẹ chồng đều hỏi tình hình thu hoạch. Lợn luôn khoe lúa tuốt đã sắp xong, nhiều thóc lắm, mặc dù thực tế nó lười nhác, làm ẩu, tuốt qua quít, lại để rơi vãi bữa bãi và đem giã gạo nấu ăn hết, trong kho chẳng có bao nhiêu thóc và còn lâu mới tuốt xong rẫy. Trong khi đó, hoẵng ngày nào cũng trả lời rằng mới được một ít thóc, mới tuốt đến chỗ cây *chi-vêng*, mặc dù thực tế nó chăm chỉ, tuốt vừa nhanh vừa kỹ, thóc được đến đâu phơi khô sấy sạch cất vào kho chu đáo, công việc chẳng mấy nữa thì xong. Hai bà mẹ thường sang nhà nhau chơi và chuyện trò về con dâu của mình. Mẹ chồng lợn ngày nào cũng khoe con dâu mình giỏi giang, cần cù, tuốt sắp hết rẫy lúa rồi, thóc chứa chật kho. Ngược lại, mẹ chồng hoẵng thì phàn nàn con dâu mình chậm chạp, vụng về, lười biếng, tuốt mãi vẫn chỉ mới đến gốc cây *chi-vêng*, thóc được chẳng là bao. Một hôm, hoẵng từ rẫy trở về, bà mẹ chồng vẫn nghe nó trả lời như trước, bèn nhiech máng thậm tệ, khiến nó tủi cực mà bỏ nhà ra đi. Nó ngoái lại với lời nguyên rằng, sau này mọi người bắt được nó thì đừng có gõ trống gõ chiêng, kéo bị sét đánh chết.

Điều đáng chú ý là, các tộc người bản địa vùng Trường Sơn-Tây Nguyên hầu như đều có tín niệm tương đối chung về con mang, trong đó có sự liên tưởng giữa con vật này với năng lửa và hạn hán, hay có thể nói, nó dường như một biểu tượng về năng hạn. Còn tiếng trống, có thể coi đó là biểu tượng sấm sét. Mỗi liên hệ có tính thần bí này, liên quan với con mang ở các cư dân bản địa Trường Sơn-Tây Nguyên, rõ ràng chứa đựng sự lý thú, cần được khám phá để hiểu thêm một góc tâm linh cổ truyền khá phổ biến của họ.

Thứ 2, người Cơ-tu kiêng dùng sống dao đập vào con thú săn bắt được hoặc chặt xuống xương thịt của nó (*ting goong*). Họ cho rằng làm như thế

là ngược đời, khiến *Cơ-mor bar* nổi giận và không phù hộ nữa. Người vi phạm điều kiêng cữ này phải tự tay đưa cho chủ nhà chỉ ít là một con gà và nói lời xin lỗi, sau đó con gà dùng làm lễ vật cúng tạ lỗi *Cơ-mor bar*.

Thứ 3, về con hổ: Xưa kia họ không dám bán hổ. Nếu hổ bị trúng thò, người chủ bẫy về làng nói nhỏ cho ai đó biết rồi tránh sang làng khác, sau vài ba hôm mới dám trở về nhà. Được tin, một người dũng cảm trong cánh nam giới của làng tới chỗ hổ bị giết, để đóng vai hổ; những người khác vào rừng sau, mang theo chiêng, trống và họ cử một người đến gần để hỏi chuyện hổ. Những câu hỏi và lời đáp diễn ra:

- Ông ⁽⁶⁾ làm sao mà chết thế?

- Tôi chết vì bị ngã, do tôi dốt quá.

- Vì sao chết?

- Tôi chết vì tôi ác quá, tôi bắt lợn, bắt bò; tôi chết không phải do người nhà các anh làm hại đâu.

- Có cho chúng tôi ăn thịt được không?

- Được thôi.

Sau đó, người hỏi và người đáp đều lặng lẽ ra chỗ khác, còn những người đang chờ đợi phía ngoài thì đeo mặt nạ tiến đến chỗ hổ nằm chết và vừa khua chiêng gõ trống theo nhịp dồn dập, vừa hú hét, nhằm xua đuổi “ma cạp”. Rồi họ dốt lửa thui và làm thịt hổ, nấu nướng, nhưng đồng thời vẫn phải thay phiên nhau gõ trống khua chiêng liên hồi. Già, trẻ, trai, gái cùng nhau ăn thịt hổ tại chỗ, nếu chưa hết thì ngủ lại để hôm sau ăn tiếp. Khi rú nhau trở về làng, người ta nói ngược ý, bởi không dám nói thẳng là đi về, mà phải nói tránh thành ngủ hay ở, tức là nói dối để lừa ma cạp. Họ phân tán ra, rồi đi vài người một, người dũng cảm đến trước tiên sẽ rút lui cuối cùng. Xương hổ được gom cả lại và chôn xuống đất. Khu vực đó trở thành nơi linh thiêng đáng sợ, không ai dám lai vãng. Xương sọ hổ không được

⁶. Như đã nói, người Cơ-tu không dám gọi thẳng là hổ, mà thường gọi tránh đi thành “ông” (*abhuáp*).

đưa vào cái dưới mái nhà *gtol* như những con thú khác, bởi họ sợ ma hổ sẽ rú những con hổ khác về theo!

Thứ 4, về con trăn: Trong các mô-típ trang trí phong phú ở *gtol*, một trong những đồ án quen thuộc và phổ biến là hình con trăn tạc nổi trên gỗ. Bao giờ hình trăn cũng được tạc thành đôi, một con đực và một con cái, bố cục đối nhau. Trong đời sống, trăn là đối tượng săn bắt của người Cơ-tu. Nhưng trước khi thịt con trăn, họ đưa lưỡi dao kề miệng nó và hỏi ý, nếu nó liếm vào dao nghĩa là đồng ý cho giết, và khi đó họ mới dám giết. Sau đó, họ xoa tay vào vùng hậu môn con trăn và giao hẹn rằng nếu mình sẽ có được nhiều của cải, giàu có, thì trăn hãy cho 2 cái móc của nó (*céé bor-nga*). Đó là 2 cái móc nhỏ bằng xương, ẩn bên trong bụng trăn, chiếc màu vàng được coi là móc đồng, còn chiếc màu đen là móc sắt. Nếu linh nghiệm, đôi móc sẽ lòi ra cho người đó. Đêm ấy anh ta xem mộng, thấy tín hiệu tốt về thóc lúa thì đem cất vào kho lúa, thấy hy vọng về của cải (chiêng, công, ché v.v.) thì để trong nhà, bất luận trường hợp nào nó cũng trở thành vật thiêng từ đó; nhưng nếu không chiêm bao gì liên quan, nó không còn là đáng quý với anh ta nữa.

Thứ 5, nếu đang dậy nắp tổ ong trong rừng mà nghe thấy tiếng sấm đầu năm thì phải tháo ra, hôm sau sẽ dậy lại; họ làm như thế là để tránh bị “sấm dè” (*grám cơ-tô*)⁷).

* *
*

Qua những tư liệu trình bày trên, có thể nhận xét mấy điều như sau:

- Cùng với lợi ích kinh tế thiết thực, săn bắt đối với người Cơ-tu là một lĩnh vực hoạt động

chứa đựng những ý nghĩa văn hoá sâu sắc và có những tập tục đáng chú ý; thậm chí hoạt động săn bắt thể hiện như phạm vi tập tục hay mang tính tập tục. Nó gắn liền với vai trò của người đàn ông và là một cơ sở quan trọng tạo nên vị trí ưu thế của người đàn ông trong đời sống xã hội cổ truyền Cơ-tu; hay nói cách khác, nó góp phần củng cố vai trò của người đàn ông trong xã hội phụ hệ Cơ-tu.

- Tín ngưỡng và sinh hoạt tôn giáo trong săn bắt là một phần quan trọng của đời sống tín ngưỡng - tôn giáo vạn vật hữu linh của người Cơ-tu. Điều này phù hợp với nhận xét ở trên, lĩnh vực này cũng thuộc về đàn ông. Điều đặc biệt là, trong tín ngưỡng cổ truyền Cơ-tu đã xuất hiện một vị “nữ thần” (theo cách diễn đạt của chúng ta) về chim muông trong rừng; thế lực siêu nhiên này có tên gọi là *Cơ-mor bar* và được coi là chi phối việc săn bắt của họ. Cho đến nay, chưa thấy nói tới điều tương tự ở những dân tộc bản địa khác ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

- Tương tự như các sinh hoạt tôn giáo gắn với trồng trọt đều nhằm mục đích cầu mùa, nhưng ở đây những sinh hoạt tôn giáo liên quan việc săn bắt cũng đều nhằm mục đích có được thú và chim, nghĩa là săn bắt đạt kết quả. Theo người Cơ-tu, thu hoạch lúa rẫy và sự no hay đói của họ phụ thuộc vào “thần lúa” (hay “hồn lúa”), còn việc săn bắt trong rừng phụ thuộc vào vị “nữ thần” *Cơ-mor bar*.

- Rõ ràng ngôi nhà chung (*gtol*) ở mỗi làng Cơ-tu liên quan mật thiết đến việc săn bắn và tín ngưỡng trong săn bắn, đặc biệt đó là nơi tiến hành những lễ thức quan trọng về săn bắn của dân làng. Có thể coi *gtol* như trụ sở phục vụ cho hoạt động săn bắn của dân làng và đây là một cơ sở làm cho nó mang tính chất “nhà của đàn ông” trong xã hội truyền thống Cơ-tu.

⁷. Người Cơ-tu nói rằng, nếu chim đang làm tổ hoặc ong vào tổ họ mới đục mà hôm đó có sấm mới thì chúng bỏ đi.